

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/DS-PT

Ngày 26-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (tiền)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vũ;
Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trâm Thị Phương Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phùng Anh K;

Địa chỉ cư trú: Số 60, đường H, khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tuấn H; địa chỉ cư trú: Số 95, đường P, khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22-5-2020). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Công H1, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Kim H2;

Địa chỉ cư trú: Số 381/49, đường N, khóm 3, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Chí B; địa chỉ cư trú: Số 03, đường N, khóm 3, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 15-6-2020). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lưu Trường G;

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Hứa Thị G1;

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Hứa Thị G1: Ông Lưu Trường G; địa chỉ cư trú nêu trên; là người đại diện theo ủy quyền của bà Hứa Thị G1 (Văn bản ủy quyền ngày 19-8-2020). (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Phùng Anh K - Nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn ông Phùng Anh K và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Võ Tuấn H trình bày:

Ông Phùng Anh K với ông Trần Kim H2 là chỗ làm ăn, quen biết và rất tin tưởng nhau, do đó vào tháng 3, tháng 4 và tháng 5 năm 2018, ông H2 có hỏi vay tiền ông K 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04-3-2018 vay 6.000.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 20-3-2018 vay 3.000.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 15-4-2018 vay 3.000.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 17-5-2018 vay 2.000.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay là 14.000.000.000 đồng.

Khi vay, ông H2 hẹn khoảng 03 đến 04 tháng sau sẽ hoàn trả cho ông K nợ gốc và trả tiền lãi 02%/tháng. Sau khi vay, ông H2 đóng lãi đến ngày 17-5-2019 thì ngưng không trả lãi. Về nợ gốc, đến ngày 15-7-2019, ông H2 trả được 2.000.000.000 đồng, còn nợ lại 12.000.000.000 đồng. Tính từ khi vay tiền đến nay đã quá thời hạn nhưng ông H2 không thực hiện trả nợ và trả lãi đầy đủ như đã giao kết, ông K đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông H2 trả nợ nhưng ông H2 không thực hiện.

Ông K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông H2 phải có trách nhiệm trả cho ông K số tiền nợ gốc còn thiếu là 12.000.000.000 đồng.

Buộc ông H2 trả tiền lãi tính trên nợ gốc 14.000.000.000 đồng, với lãi suất 1,667%/tháng, từ ngày 17-5-2019 đến ngày 15-7-2019 là 58 ngày, số tiền là 451.201.300 đồng.

Buộc ông H2 trả tiền lãi tính trên nợ gốc 12.000.000.000 đồng, với lãi suất 1,667%/tháng, tính từ ngày 15-7-2019 đến ngày 01-02-2021 là 18 tháng 16 ngày, số tiền là 3.707.408.000 đồng.

Yêu cầu bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm là buộc ông H2 trả tiền lãi, tính trên số tiền lãi là 4.158.609.300 đồng, với lãi suất 0,833%/tháng, tính từ ngày 17-5-2019 đến ngày 01-02-2021 là 20 tháng 14 ngày, số tiền là 106.187.533 đồng.

Theo bản tường trình ngày 15 tháng 6 năm 2020 của bị đơn ông Trần Kim H2 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Hồ Chí B trình bày:

Ông H2 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K. Lý do:

Giữa ông H2 và ông K là chỗ quen biết nhau, do trước đây ông H2 có làm thuê cho gia đình ông K thời gian khá lâu nên gia đình ông K và ông H2 tin tưởng lẫn nhau. Vào năm 2017, vợ chồng ông Lưu Trường G và bà Hứa Thị G1 là chỗ quen biết với ông H2, vợ chồng ông G đến gặp gia đình ông K để hỏi vay tiền, do gia đình ông K không quen thân với vợ chồng ông G nên hai bên nhờ ông H2 làm người trung gian giới thiệu. Vì vậy, ông K và cha ông K là ông Phùng Anh V cho ông G vay tiền tổng cộng là 14.000.000.000 đồng, lãi suất là 02%/tháng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04-3-2018 vay 6.000.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 20-3-2018 vay 3.000.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 15-4-2018 vay 3.000.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 17-5-2018 vay 2.000.000.000 đồng.

Tất cả 04 lần vay tiền trên do ông G là người nhận tiền trực tiếp từ ông V và ông K. Sau khi vay, hàng tháng vợ chồng ông G đều đóng lãi cho ông K với lãi suất là 02%/tháng và việc trả tiền lãi vợ chồng ông G là người trực tiếp gặp ông K và ông V trả.

Đến đầu năm 2019, do ông K cần thu hồi lại vốn nên đã liên hệ với ông H2 để nhờ ông H2 nói với vợ chồng ông G trả lại vốn cho ông K. Khi biết ông K đòi lại vốn, vợ chồng ông G đã hứa sẽ trả hết nợ cho ông K, chia làm 02 lần trả. Vì vậy, vào ngày 01-02-2019, vợ chồng ông G đã lập “Giấy mượn tiền” giao cho ông K giữ, theo đó vợ chồng ông G thừa nhận có vay của ông K 04 lần nêu trên với tổng số tiền là 14.000.000.000 đồng và cam kết đến ngày 03-7-2019 (dương lịch) sẽ trả cho ông K số tiền 7.000.000.0000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả hết vào ngày 24-01-2020.

Sau khi ký “Giấy mượn tiền” cho ông K xong, hàng tháng vợ chồng ông G đều có đóng lãi cho ông K, nhưng đến tháng 6-2019, vợ chồng ông G không đóng lãi cho ông K nữa. Ông K mới bàn bạc với ông H2 là phải khởi kiện để đòi nợ vay đối với vợ chồng ông G, nhưng chi phí khởi kiện thì ông H2 là người phải chịu, vì ông V và ông K cho rằng ông H2 là người bảo lãnh nên phải có trách nhiệm cùng đòi nợ. Đến đầu tháng 7-2019, ông K đứng ra khởi kiện vợ chồng ông G tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thu hồi nợ. Trong đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, ông K khai rằng vợ chồng ông G sau khi vay tiền chỉ đóng lãi được vài tháng thì ngưng, nhưng khi ông K khởi kiện ông H2 tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, do ông G đã cung cấp chứng từ trả lãi cho Tòa án thì lúc này ông K mới thừa nhận là vợ chồng ông G đã trả lãi đầy đủ (mỗi tháng trả 280.000.000 đồng) từ khi vay đến hết tháng 5-2019.

Sau khi ông K khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thì ông G đã đưa ông H2 số tiền 2.000.000.000 đồng để trả nợ cho ông K và ông K có ký biên nhận vào ngày 15-7-2019, do đó số nợ mới còn lại là 12.000.000.000 đồng như ông K đã kiện.

Như vậy, số nợ 12.000.000.000 đồng nêu trên thực chất là do vợ chồng ông G trực tiếp vay từ ông K và vợ chồng ông G cũng chính là người trực tiếp đóng tiền lãi cho gia đình ông K, do vậy việc ông K khởi kiện đòi ông H2 phải trả số nợ trên là không đúng.

Đối với “Giấy mượn tiền” do vợ chồng ông Giang lập ngày 01-02-2019 cho ông K là văn bản đối chiếu, tổng kết và xác nhận số nợ 14.000.000.000 đồng mà vợ chồng ông G đã trực tiếp vay của gia đình ông K. Văn bản đối chiếu, tổng kết và xác nhận nợ này đã thay thế 04 biên nhận nợ do ông H2 đã lập cho ông K trước đây. Khi lập “Giấy mượn tiền” vào ngày 01-02-2019, ông G có nhờ ông H2 đưa giấy mượn tiền này cho gia đình ông K, khi ông H2 giao giấy mượn tiền của vợ chồng ông G cho vợ chồng ông V cất giữ, lúc này ông H2 có yêu cầu ông V trả lại 04 biên nhận mượn tiền mà ông H2 đã lập trước đây, vợ chồng ông V có hứa là sẽ hủy bỏ 04 biên nhận này, do tin tưởng nên ông H2 cũng bỏ qua, nhưng đến nay thì vợ chồng ông V vẫn không hủy bỏ 04 biên nhận và còn dùng 04 biên nhận để khởi kiện ông H2 tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Tại Văn bản trả lời Thông báo thụ lý bổ sung vụ án vào ngày 24-8-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Trường G và cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thị G1 trình bày:

Ông với ông H2 có quen biết nhau qua công việc mua bán tôm, còn ông Phùng Anh K thì ông không có quen, nhưng ông có quen với cha mẹ ông K là ông V - bà T. Ông thừa nhận có vay tiền của ông V - bà T nhiều lần, nhưng sau đó tổng cộng lại thành 04 biên nhận với tổng số tiền là 14.000.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, cụ thể như ông K và ông H2 trình bày, mỗi tháng ông trả lãi

280.000.000 đồng, ông trả lãi được 14 tháng, đóng lãi đến tháng 5-2019 thì ngưng, tổng cộng trả lãi được 3.920.000.000 đồng.

Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng trả vào ngày 15-7-2019 là ông đưa cho ông H2 nhờ trả cho ông K. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ của ông K 12.000.000.000 đồng, số nợ này ông sẽ có trách nhiệm trả cho ông K, đồng thời số nợ 12.000.000.000 đồng trên không liên quan đến ông H2, ông H2 chỉ là người giới thiệu cho ông vay tiền. Nguyên nhân những chứng từ trả lãi ghi nội dung chuyển dùm cho ông H2 là để cho biết phần nợ này là do ông H2 bảo lãnh, sau khi các bên thống nhất lại số tiền nợ 14.000.000.000 đồng thì không còn ghi trả dùm cho ông H2 nữa.

Nay ông đồng ý trả cho ông K số tiền gốc còn nợ là 12.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án số 15/2021/DS-ST ngày 02-02-2021, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 370 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phùng Anh K, về việc buộc bị đơn ông Trần Kim H2 có trách nhiệm trả ông K số tiền nợ gốc 12.000.000.000 đồng; thanh toán tiền lãi, tính trên khoản nợ gốc là 14.000.000.000 đồng với lãi suất 1,667%/tháng (tính từ ngày 17-5-2019 đến ngày 15-7-2019) là 58 ngày, với số tiền lãi là 451.201.300 đồng và phải thanh toán tiền lãi, tính trên khoản nợ gốc 12.000.000.000 đồng với lãi suất 1,667%/tháng (tính từ ngày 15-7-2019 đến ngày 01-02-2021) là 18 tháng 16 ngày với số tiền 3.707.408.000 đồng. Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05-02-2021, nguyên đơn ông Phùng Anh K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09-02-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng không rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc

Trăng. Đồng thời, các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông H2 chính là người vay tiền của ông K, chứng cứ chứng minh là các biên nhận nhận tiền đều do ông H2 ký tên, ông H2 cũng thừa nhận chữ ký trong các biên nhận này, các chứng từ chuyển trả lãi hàng tháng nội dung đều thể hiện ông G chuyển trả dùm chú 8 (tức ông H2), người đại diện hợp pháp của ông H2 cho rằng các bên đã thống nhất chuyển giao nghĩa vụ trả tiền sang cho vợ chồng ông G - bà G1 tại giấy mượn tiền ngày 01-02-2019 là không có căn cứ, vì ông K không thừa nhận đồng ý chuyển giao nghĩa vụ và ông H2, ông G cũng không cung cấp được bản chính giấy mượn tiền này. Mặt khác, khi ông K khởi kiện vợ chồng ông G tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề để đòi tiền vay đã thấy mình kiện không đúng người nên đã rút đơn khởi kiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ. Bởi lẽ, ông G thừa nhận vợ chồng ông G là người vay tiền, nhận tiền trực tiếp từ ông V và ông K, ông H2 chỉ là người giới thiệu, bảo lãnh, không được hưởng lợi gì; sau khi cho vay, hàng tháng ông V là người nhắn tin nhắc nhở ông G trả tiền lãi; đến ngày 01-02-2019 các bên cũng đã lập giấy mượn tiền xác định lại người vay tiền là vợ chồng ông G; đến tháng 7-2019, ông K cũng đã dùng biên nhận này để đi khởi kiện vợ chồng ông G tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề; đến ngày 15-7-2019, ông G trả cho ông K số tiền 2.000.000.000 đồng, ông K đã nhận và cũng ký tên vào biên nhận, nội dung biên nhận cũng thể hiện rõ là ông H2 trả thay cho ông G, chứ không phải ông H2 trả tiền vay cho ông K. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản chất sự việc, thực tế vợ chồng ông là người trực tiếp vay tiền của gia đình ông K chứ không phải ông H2, ông H2 chỉ là người giới thiệu, bảo lãnh cho ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; đồng thời nêu quan điểm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông K và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo, kháng nghị và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Anh K đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; còn Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng cũng đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có thẩm quyền kháng nghị và còn trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại các Điều 278, Điều 279 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, kháng cáo và kháng nghị nêu trên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông K kháng cáo cho rằng ông Trần Kim H2 là người trực tiếp vay tiền của ông 04 lần, đều có biên nhận, ông H2 có ký tên người nhận tiền và có đóng lãi hàng tháng từ lúc vay đến tháng 5-2019, ông không biết ông Lưu Trường G và không có cho ông G vay tiền; Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông là không có cơ sở pháp lý, đánh giá chứng cứ không đầy đủ, toàn diện với các tình tiết khách quan có trong hồ sơ vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông. Đồng thời, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng cũng kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

[3] Xét kháng cáo, kháng nghị nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy như sau:

[4] Về thủ tục tố tụng: Theo biên bản nghị án ngày 02-02-2021, Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án vào lúc 07 giờ 40 phút và kết thúc nghị án lúc 08 giờ 30 phút cùng ngày, nhưng trong biên bản phiên tòa thể hiện Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 02-02-2021, tức tuyên án khi chưa nghị án xong, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 264, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong biên bản nghị án còn thể hiện đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cũng có mặt khi Hội đồng xét xử sơ thẩm nghị án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông K và người đại diện hợp pháp của ông cho rằng ông H2 chính là người vay tiền và nhận tiền vay từ ông K; bị đơn ông H2 và người đại diện hợp pháp của ông thì cho rằng chính ông K và ông Phùng Anh V (cha ông K) là người trực tiếp cho vợ chồng ông G - bà G1 vay tiền, vợ chồng ông G - bà G1 là người nhận tiền trực tiếp từ ông V và ông K, ông H2 chỉ là người giới thiệu, bảo lãnh cho vợ chồng ông G vay tiền, việc ông H2 viết biên nhận nhận tiền là do ông V ép buộc ký, còn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông G thì cho rằng ông là người hỏi vay tiền từ ông V (cha ông K), khi ông H2 đứng ra bảo lãnh, ông V mới đồng ý cho vay và ông K là người giao tiền vay cho ông; như vậy, ông Phùng Anh V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích

hợp pháp của ông, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặt khác, lời khai của ông K, ông H2 và ông G còn nhiều mâu thuẫn với nhau nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không cho họ đối chất với nhau là chưa đúng quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm chưa làm rõ ai là người cho vay, ông K hay ông V hay cả ông K và ông V; chưa làm rõ ai là người vay, ông H2 hay vợ chồng ông G; chưa làm rõ giấy mượn tiền ngày 01-02-2019 có phải các bên đã xác định lại người vay tiền là ông G - bà G1, còn người bảo lãnh là ông H2 hay không, giấy mượn tiền này hiện nay ai giữ, theo lời trình bày của bà Trương Thị Mỹ L (BL 22b) khi ông K ủy quyền cho bà khởi kiện vợ chồng ông G tại Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thì chính ông K là người cung cấp cho bà giấy mượn tiền ngày 01-02-2019 để làm chứng cứ khởi kiện, còn người đại diện hợp pháp của ông K thì không thừa nhận ông K có giữ giấy mượn tiền này, nhưng cấp sơ thẩm không lấy lời khai của bà L và cho đối chất với ông K để làm rõ vấn đề này. Từ việc chưa làm rõ những vấn đề nêu trên nên chưa có đủ cơ sở vững chắc để chấp nhận hay bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Như vậy, Cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung vụ án cũng chưa được thu thập chứng cứ đầy đủ để làm rõ và tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người kháng cáo, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phùng Anh K.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phùng Anh K không phải chịu và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005090 ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS Tp. S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm